

# LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

## QUYỂN 15

### Chương 1: KIÊN-ĐỘ TẠP

#### Phẩm 3: NHÂN, Phần 3

Ái trong không hữu, nên nói là thấy đạo dứt hay phải nói là tu đạo dứt? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì đây là kinh Phật. Kinh của Đức Thế tôn nói có ba thứ ái:

1. Ái dục
2. Ái hữu.
3. Ái vô hữu.

Dù kinh của Đức Thế tôn nói ái trong không hữu, nhưng không nói do thấy đạo dứt, tu đạo dứt. Kinh kia là chỗ căn bản để soạn luận này. Ở trong kinh kia không nói, thì luận này đều nói. Vì lý do đó nên soạn luận này.

Hỏi: Ái trong không hữu phải nói là do thấy đạo thì dứt hay phải nói là do tu đạo dứt.

Đáp: Phải nói là ái do tu đạo dứt. Vì sao? Vì nếu không có các duyên vô thường này, thì ái kia là ái trong không hữu.

Hỏi: Ái này cũng là ái do thấy đạo thì dứt, vì sao chỉ nói là do tu đạo dứt?

Đáp: Vì thuận theo nghĩa kinh. Như trong kinh nói: Giống như có một người bị khổ ép ngặt, nên nghĩ rằng: Nỗi khổ kia đã làm cho ta bị hoại diệt, cho đến chết, sau khi chết, sẽ không bị bệnh, thường được yên vui.

Nghĩa thú của kinh kia đã nói chỗ thọ thân là vô thường, ái sở duyên của kia là do tu đạo dứt. Vì thuận theo nghĩa kinh, nên nói là ái do tu đạo dứt.

Lại có thuyết nói: Ái trong không hữu hoặc do thấy đạo dứt, hoặc

do tu đạo dứt.

Hỏi: Thế nào là thấy đạo thì dứt?

Đáp: Đối tượng dứt của thấy đạo đối với ái trong không hữu, cho đến nói rộng. Văn này, trước nói: Vì thuận theo nghĩa kinh, nay sẽ nói nghĩa chân thật, như nghĩa của ngã: Ái trong không hữu nên nói do tu đạo dứt. Như nghĩa của ngã: Nghĩa là như ta đã thuận theo nghĩa trong kinh Phật. Kinh kia là căn bản của luận này. Vì việc ấy, nên nói Ái trong không hữu là do tu đạo dứt.

Cũng thế, ông muốn khiến Ái trong không hữu do tu đạo dứt chăng? Đây là phái Tỳ-bà Xà-bà-đề (Tỳ-bà Xà-bà-đề đời Tần dịch là Phân biệt luận) định rõ về lời nói của phái Dục-đa-bà-đề (Dục-đa-bà-đề đời Tần dịch là Tương ứng luận).

Nếu không định rõ lời của người khác mà nói lỗi của họ, thì đó là phi lý, nên nói ông muốn cho Ái trong không hữu do tu đạo dứt trừ. Phái Dục-đa-bà-đề đáp: Đúng vậy! phái Tỳ-bà Xà-bà-đề nói rằng: Nếu nói như thế thì Tu-đà-hoàn có thể khởi lên ái này, khiến ngã dứt hoại cho đến chết. Sau khi chết, sẽ không bị bệnh, thường được yên vui chăng?

Đáp: Không.

Hỏi: Vì sao Tu-đà-hoàn không thể khởi ái ấy?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì Tu-đà-hoàn tin pháp, tin nghiệp.

Lại có thuyết nói: Vì đã thấy tự thể của các pháp sinh, lại có thể tu đầy đủ môn giải thoát không.

Lại có thuyết nói: Ái này được tăng trưởng do dứt kiến, dựa vào dứt kiến sinh khởi, nên bậc Thánh đã lia dứt kiến.

Lại có thuyết nói: Ái này sinh ra từ nhân thứ lớp, vì nhân thứ lớp kia đã dứt.

Tôn giả Xa-ma-đạt nói: Pháp mà thấy đạo dứt trừ là nhân thứ lớp kia là pháp mà bậc Thánh đã dứt trừ, do thấy đạo mà dứt.

Phái Tỳ-bà Xà-bà-đề nói rằng: Hãy nghe tôi vấn nạn: Nói chỗ gánh vác trái với ông, ông đã nói: “Ái trong không hữu” do tu đạo dứt trừ, ông cũng nên nói: Tu-đà-hoàn có thể khởi lên ái này, khiến cho ngã bị dứt hoại cho đến chết, sau khi chết sẽ không bị bệnh, thường được yên vui.

Nếu nói lên lời này, thì việc ấy không đúng. Không nên nói “Ái trong không hữu” do tu đạo dứt trừ, vì nếu nói “Ái trong không hữu”, do tu đạo dứt trừ, thì việc này không đúng. Nếu nói ái này do tu đạo dứt trừ thì không nên nói: Tu-đà-hoàn không khởi ái ấy. Nếu Tu-đà-hoàn không khởi lên ái ấy, thì không nên nói ấy do tu đạo dứt trừ.

Phái Dục-đa-bà-đề nói rằng: Ta không nói các ái không dứt, sẽ khởi hiện ở trước, mà vì tự có không dứt nên không khởi hiện ở trước, tuy có dứt mà vẫn khởi hiện ở trước. Nếu không dứt đều khởi hiện ở trước, thì sẽ không có xuất ly của giải thoát. Vì sao? Vì người phàm phu, người học, người không dứt ái ở đời vị lai rất nhiều. Nếu đều phải khởi hiện ở trước thì không được giải thoát, vì đời vị lai là vô biên. Việc như thế, người trí không thể làm được. Phái Dục-đa-bà-đề trước đã nói các pháp như thế: Vì nói lỗi của người khác là muốn lập vấn nạn. Ý ông như thế là muốn cho Tu-đà-hoàn chưa dứt hết ái địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ chẳng?

Phái Tỳ-bà-Xà-bà-đề đáp: Đúng thế.

Phái Dục-đa-bà-đề lại nói lời khẳng định: Ý ông muốn cho Tu-đà-hoàn có thể khởi ái như thế, khiến cho ta làm Long vương Y-la-bạt-na, Long vương Thiện Trụ, hoặc vua Diêm la, khiến cho ta được tôn quý trong các chúng sinh địa ngục chẳng?

Tỳ-bà-Xà-bà-đề đáp: Không.

Hỏi: Vì sao Tu-đà-hoàn không khởi ái như thế v.v...

Đáp: Vì chỗ sinh của phàm phu chẳng phải nơi sinh của bậc Thánh.

Lại có thuyết nói: Người ngu đọa vào địa ngục, vì Tu-đà-hoàn kia là người trí.

Lại có thuyết nói: Vì đường ác kia đã được phi số diệt, nếu pháp được phi số diệt, thì không còn khởi hiện ở trước.

Lại có thuyết nói: Ái có hai thứ:

1. Ái chỗ sinh.

2. Ái giúp sinh.

Tu-đà-hoàn đối với đường ác tuy không khởi ái chỗ sinh, nhưng vẫn khởi ái giúp sinh, ái về voi, ngựa, v.v..., như Đế-thích khởi tâm ái đối với quỷ áo xanh

Hỏi: Ở đường địa ngục làm sao khởi ái?

Đáp: Nếu cha mẹ đọa vào địa ngục, nghe người đáng tin bên cạnh bèn sinh tâm ái. Phái Dục-đa-bà-đề lại nói rằng: hãy nghe thuyết ta vấn nạn: Ông trái với lời nói gán vác, ông nói rằng: Tu-đà-hoàn chưa hết ái của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Lẽ ra ông nên nói: Tu-đà-hoàn có thể khởi ái ấy, khiến ta làm Long vương Y-la-bạt-na, cho đến nói rộng. Nếu nói như thế thì việc này không đúng, nếu không nói  
Tu-đà-hoàn có thể khởi chỗ này thì cũng không nên nói: Tu-đà-hoàn chưa dứt hết ái của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nếu Tu-đà-hoàn chưa dứt hết ái

của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, mà không khởi hiện ở trước, thì ông trái với lời nói chỗ gánh vác, như ông đã nói: Tu-đà-hoàn đã duyên ái của đường ác chưa dứt hết, mà không khởi hiện ở trước. Thuyết của ta nói: “Ái trong không hữu” cũng giống như thế.

Phái Dục-đa-bà-đề lại vấn nạn phái Tỳ-bà Xà-bà-đề: Ý ông nghĩ sao? Vì bị triền ràng buộc mà giết cha mẹ, triền này là đối tượng dứt của Tu đạo chăng?

Phái Tỳ-bà Xà-bà-đề đáp: Đúng thế.

Phái Dục-đa-bà-đề trách cứ. Phái Tỳ-bà Xà-bà-đề đáp: Không.

Hỏi: Vì sao Tu-đà-hoàn không khởi triền này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người có tâm ác tăng thượng, có thể khởi lên triền này mà giết cha mẹ, còn Tu-đà-hoàn kia có tâm thiện tăng thượng.

Lại có thuyết nói: Người không hổ, không thẹn tăng thượng, có thể giết cha mẹ, Tu-đà-hoàn có hổ thẹn tăng thượng

Lại có thuyết nói: Triền kia đã được tà kiến nuôi dưỡng, theo sau tà kiến sinh, còn tà kiến của Tu-đà-hoàn đã dứt diệt.

Lại có thuyết nói: Tu-đà-hoàn đã được giới không tạo tác, do việc ấy, nên không khởi lên triền này. Phái Dục-đa-bà-đề lại trách Tỳ-bà Xà-bà-đề, nói rộng như trên.

Phái Dục-đa-bà-đề lại vấn nạn Tỳ-bà Xà-bà-đề: Ý ông nghĩ sao? Pháp do tu đạo dứt trừ là “Ái trong không hữu”, ái này nên nói là do tu đạo dứt chăng?

Tỳ-bà Xà-bà-đề đáp: Đúng thế. Pháp do tu đạo dứt trừ, nghĩa là pháp thiện hữu lậu. Không hữu, nghĩa là dứt căn thiện.

Dục-đa-bà-đề lại trách Tỳ-bà Xà-bà-đề: Ý ông nghĩ sao? Tu-đà-hoàn có thể khởi ái này, ta sẽ dứt căn thiện chăng?

Tỳ-bà Xà-bà-đề đáp: Không.

Hỏi: Vì sao Tu-đà-hoàn không khởi ái ấy?

Đáp: Vì công đức ái lạc của bậc Thánh thường muốn thành tựu pháp thiện hiện ở trước, không muốn xa lìa, cho nên không khởi.

Dục-đa-bà-đề lại trách Tỳ-bà Xà-bà-đề, nói rộng như trên.

Các lời nói không dứt sẽ khởi hiện ở trước, nên nói có lỗi như trên.

Trong sách ngoài có ba thứ vấn nạn:

1. Vấn nạn do nghi.
2. Vấn nạn nói lỗi.
3. Vấn nạn trừ hoại.

Trong kinh của Phật nói: Đức Thế tôn cũng dùng ba thứ vấn nạn để vấn nạn người khác:

1. Vấn nạn chuyển thắng.
2. Vấn nạn danh bình đẳng.
3. Vấn nạn lời nói trái.

Vấn nạn về chuyển thắng: Như Phạm chí Trường Trảo nói: Ta không nhẫn tất cả.

Đức Phật vấn nạn: Đối với kiến này ông có nhẫn hay chẳng?

Vấn nạn về nghĩa bình đẳng: Như Ba-tri-ly hỏi Phật: Ông biết huyền chẳng?

Đức Phật đáp: Biết.

Ba-tri-ly nói: Sa-môn Cù-đàm chính là người huyền.

Phật hỏi Ba-tri-ly: Ông có biết ở nước Câu-đồ có người ác, tên là Tát-bà-chu-la-đa đã làm nhiều việc ác không?

Tôi biết, Ba-tri-ly đáp.

Phật nói: Ông cũng là người làm nhiều việc ác.

Vấn nạn về lời nói trái: Như cư sĩ Ưu-ba-ly trước nói nghiệp của thân nặng, sau nói ý ác của vị Tiên, nên diệt đại thành Ca-lăng-già.

Ở đây, phái Dục-đa-bà-đề đã dùng nghĩa bình đẳng để vấn nạn. Phái Tỳ-bà Xà-bà-đề thì khiến cho Dục-đa-bà-đề rơi vào chỗ thua.

Hỏi: Không hữu gọi là pháp gì?

Đáp: Ba cõi vô thường.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì muốn cho phái Tỳ-bà Xà-bà-đề không có chỗ nói. Nếu không nói như thế, thì phái Tỳ-bà Xà-bà-đề nên nói rằng: Dù ông có dùng lời nói để khuất phục ta, nhưng thể tánh của “Ái trong không hữu” tương ứng với pháp tướng, nghĩa là hoặc thấy đạo thì dứt, hoặc tu đạo dứt trừ, cho nên Tôn giả kia đã nói “Không hữu” gọi là pháp gì? Là ba cõi vô thường.

Lại có thuyết nói: Trước nói thuận theo nghĩa thú của kinh, sau nói nghĩa chân thật.

Lại có thuyết nói: Phái Dục-đa-bà-đề lại bảo Tỳ-bà Xà-bà-đề: Mặc dù ta đã dùng lời nói để chế phục ông, nhưng vì thể tánh của “Ái trong không hữu” tương ứng với pháp tướng, hoặc do thấy đạo thì dứt, hoặc do tu đạo dứt trừ, cho nên nói rằng: “Không hữu” gọi là pháp gì? Là ba cõi vô thường.

Hỏi: Pháp vô lậu cũng có vô thường, vì sao trong đó không nói?

Đáp: Nếu pháp là chỗ đặt chân của ái, chỗ sở duyên của ái, trong

đó, liền nói vô lậu, vô thường, chẳng phải chỗ đặt chân của ái, chẳng phải chỗ sở duyên của ái, cho nên không nói.

Hỏi: Những gì là tâm giải thoát? Có tâm dục, hay không có tâm dục? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật, trong kinh của Phật nói: Tâm dục được giải thoát, tâm giận dữ, si mê được giải thoát. Không nói rằng: Vì có tâm dục được giải thoát, tâm không có dục được giải thoát, cho đến nói rộng. Kinh kia là căn bản của luận này, nay sẽ giải thích rộng về dứt kinh ấy.

Lại nữa, hoặc có thuyết nói: Tâm tánh vốn tịnh, vì bị khách phiền não che lấp, như thuyết của phái Tỳ-bà Xà-bà-đề nói: Tâm tánh vốn tịnh, bị phiền não khách kia sinh khởi che lấp tâm nên bất tịnh.

Hỏi: Nếu đúng là tâm tánh vốn tịnh, vì phiền não khách che lấp nên bất tịnh, có thể như thế, sao không dùng bản tánh của tâm tịnh làm cho phiền não khách cũng tịnh? Nếu ông không nói: Vì dùng tâm tịnh, nên làm cho phiền não khách tịnh, là vì có nhân duyên gì?

Lại nữa, vì tâm sinh trước, phiền não khách sinh sau, hay là cùng sinh chẳng? Nếu tâm sinh trước, phiền não khách sinh sau thì tâm sẽ ở lại, chờ đợi phiền não khách, phiền não khách sinh, nhưng về sau lại che lấp tâm. Nếu nói như thế, tức là một tâm trụ hai sát-na. Nếu đều cùng sinh, thì lấy thời gian nào để nói là tâm tánh vốn tịnh? Lại không có đời vị lai để trú nơi bản tính tâm tịnh. Cho nên, vì nhằm ngăn dứt nghĩa của người khác, để tự biểu thị rõ nghĩa của mình, đồng thời cũng muốn nói về nghĩa tương ứng của pháp tướng, nên soạn ra luận này.

Những gì là tâm giải thoát? Tâm có dục, giận dữ, si mê được giải thoát chẳng? Hay tâm không dục, sân hận, si mê được giải thoát?

Đáp: Tâm không có dục, giận dữ, ngu si, được giải thoát.

Hỏi: Tâm không có dục, giận dữ, ngu si, tức là giải thoát, lại còn giải thoát gì nữa?

Đáp: Nếu nói theo phiền não, thì tâm gọi là giải thoát, nếu nói theo thế gian, theo thân thì không gọi là giải thoát. Vì nếu các phiền não không dứt thì tâm kia sẽ không vận hành ở đời, sẽ không được giải thoát ở đời. Không hiện hành ở thân, thì sẽ không được giải thoát ở thân. Nếu các phiền não đã dứt, dĩ nhiên tâm kia sẽ vận hành ở đời, sẽ được giải thoát ở đời, hiện hành ở thân, sẽ được thân giải thoát.

Lại nữa, hoặc có thuyết nói: Tâm tương ứng dục được giải thoát. Tâm tương ứng giận dữ, ngu si được giải thoát. Như phái Tỳ-bà Xà-bà-

đề nói thế này: Tâm nhiễm ô tức là tâm không nhiễm ô. Vì sao? Vì nếu phiền não chưa dứt là nhiễm ô, hễ phiền não dứt rồi thì không nhiễm ô, cũng như chậu đồng có vết nhơ lúc chưa rửa vết nhơ thì gọi là nhơ, lúc đã tẩy hết vết nhơ, thì gọi là không có nhơ.

Tâm nhiễm ô kia cũng giống như thế.

Phái Tỳ-bà Xà-bà-đề kia nói như thế, nên chính là trái nghịch căn quả trách. Vì sao? Vì chẳng phải tâm kia tạp hợp tương ứng với dục, giận dữ, ngu si. Nếu dục, sân hận, ngu si không dứt trừ thì tâm này không gọi là giải thoát khỏi dục, sân hận, ngu si. Nếu muốn dục, sân, si dứt trừ, tâm này gọi là giải thoát khỏi dục, sân, si. Vì muốn chứng minh nghĩa này, nên dẫn kinh Phật. Trong kinh của Đức Thế tôn nói: Mặt trời, mặt trăng có năm sự ngăn che. Vì bị năm thứ ngăn che, nên mặt trời, mặt trăng không sáng tỏ. Năm thứ đó là: Mây v.v... cho đến nói rộng. Mây: Như vào mùa hè, bầu trời có ít mây, có thể giăng khắp hư không. Khói: Như đốt cỏ cây, khói tỏa khắp hư không. Bụi: Như lúc trời không mưa, gió cuốn bụi đất bay khắp hư không. Sương mù: Như bên sông lớn sương mù đầy khắp hư không.

Lại có thuyết nói: Ở cõi nước phương Đông, hoặc ban ngày hay ban đêm, sau cơn mưa, có lúc mặt trời lộ dạng thì sương mù bốc lên từ đất, giăng khắp hư không. Vua A-tu-la là La-hầu-la ngăn che: Mặt trời, mặt trăng là tiền quân của chư thiên, trời thường chiến đấu với A-tu-la. Vì dùng oai lực của mặt trời, mặt trăng, nên chư thiên thường chiến thắng. Vua A-tu-la là La-hầu-la, trước muốn tiêu diệt, vì sức nghiệp của tất cả chúng sinh nên không thể diệt, bèn dùng tay che các thứ ngăn che ấy trái với mặt trời mặt trăng nên không gần nhau. Vì chưa dẹp bỏ các thứ ngăn che kia, nên, mặt trời, mặt trăng không sáng tỏ. Nếu dẹp bỏ các thứ ngăn che, thì mặt trời mặt trăng đối với mọi thứ ngăn che này vẫn được sáng tỏ.

Cũng thế, tâm kia không hợp tạp tương ứng với dục, giận dữ, ngu si. Nếu dục, giận dữ, ngu si này không dứt trừ, thì tâm kia không được gọi là giải thoát tham dục giận dữ, ngu si. Nếu tham dục, giận dữ, ngu si đã dứt, thì tâm kia sẽ được gọi là giải thoát khỏi tham dục, giận dữ, ngu si.

Kinh của Đức Thế tôn nói: Tỳ-kheo phải biết! Người được thân lớn bậc nhất, đó là vua A-tu-la La-hầu-la, cho đến nói rộng.

Không có chúng sinh nào có thể tự hóa thân xinh đẹp bậc nhất như vua A-tu-la La-hầu-la. Đây là nói thân biến hóa, chứ chẳng phải thân thật.

Những gì là tâm giải thoát? Ở quá khứ, vị lai hay hiện tại?

Đáp: Lúc tâm sinh xa vị lai, các chương của Vô học, người được giải thoát chương, nghĩa là phiền não hạ hạ của Phi tướng Phi phi tướng xứ. Nếu nói vị lai thì ngăn dứt quá khứ, hiện tại, nếu nói Vô học thì ngăn dứt tâm Hữu Học.

Hỏi: Như tâm Hữu Học cũng được giải thoát, vì sao chỉ nói Vô học?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì tôn quý hơn. Nếu cầu pháp vượt hơn, thì pháp Vô học vượt hơn pháp học. Nếu tìm người vượt hơn, thì người Vô học vượt hơn người Hữu học.

Tôn giả Cù-sa nói: Nếu vượt hơn nhiều không lỗi lầm thì nói là giải thoát. Nếu được tâm Vô học, thì sẽ nhiều giải thoát, cũng hơn, không lầm lỗi. Hơn nữa, nếu tâm được hai thứ giải thoát thì gọi là giải thoát, nghĩa là tự thể giải thoát, thân được giải thoát. Vì việc này, nên tạo ra bốn trường hợp: Hoặc có tự thể của tâm được giải thoát, chứ chẳng phải thân. Hoặc có thân được giải thoát, chẳng phải tự thể của tâm, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Tự thể của tâm được giải thoát, chẳng phải thân: Nghĩa là tâm Hữu Học.

2. Thân được giải thoát, chẳng phải tự thể của tâm: Tâm thiện hữu lậu, vô ký không ẩn một của A-la-hán.

3. Tự thể của tâm giải thoát, thân cũng giải thoát: Nghĩa là tâm Vô học.

4. Không phải tự thể của tâm giải thoát, chẳng phải thân giải thoát: Tâm Học hữu lậu, là tất cả tâm phàm phu.

Lại nữa, vì không có chương ngại, nên gọi là giải thoát. Người Hữu học thì bị che lấp do tà giải thoát, còn Vô học thì không như thế.

Cũng thế, chánh giải thoát của hàng Hữu học đối lại với tà giải thoát, còn Vô học thì không như vậy.

Lại nữa, nếu tâm được giải thoát tất cả kiết gọi là giải thoát. Tâm Hữu Học có phần giải thoát, có phần không giải thoát, còn Vô học thì không như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu tâm ở trong năm thứ phiền não được giải thoát, được giải thoát trong năm thứ duyên, thì gọi là giải thoát. Năm thứ phiền não chương ngại, năm thứ duyên chương ngại, nói cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu không bị cỏ ái như Ma-lâu đa trói buộc, thì đó gọi là giải thoát.



Lại nữa, nếu có thể xé lưới bủa khắp là chỗ dựa của Hữu Đảnh thì gọi là giải thoát.

Lại nữa, nếu cắt hết tóc phiền não của ba cõi, thì gọi là giải thoát.

Lại nữa, nếu giải thoát giảm ít mà có thể khiến cho tròn đủ, thì được gọi là giải thoát. Như từ người Hữu học cho đến định Kim cương dụ, gọi là không đầy đủ, được tâm Vô học thì gọi là đầy đủ.

Lại nữa, nếu được vui khinh an, không bị phiền não che ngăn, thì gọi là giải thoát. Mặc dù người Hữu học được vui khinh an, nhưng vẫn bị phiền não làm chướng ngại, còn người Vô học được vui khinh an, không bị phiền não gây chướng ngại.

Lại nữa, nếu thọ vui khinh an rộng đủ, thì gọi là giải thoát. Người học vì có tạo tác nên thọ nhận niềm vui khinh an không rộng. Nếu được tâm Vô học, việc phải làm đã làm xong, thì thọ vui khinh an đầy đủ, giống như kẻ thù của quốc vương chưa hết, thì sự thọ vui sẽ không rộng. Nếu oán địch dứt hết thì thọ nhận rộng an vui. Nếu việc phải làm đã làm xong, buông bỏ gánh nặng, không còn mong cầu cũng giống như thế.

Lại nữa, chúng sinh thường cùng nói riêng với phiền não, nếu được xa lìa phiền não, ý vắng lặng đầy đủ thì gọi là giải thoát.

Lại nữa, nếu lìa gánh nặng của các ấm nhiễm ô thì gọi là giải thoát.

Lại nữa, nếu lìa các nhập nóng bức phiền não, được nhập mát mẻ, thì gọi là giải thoát.

Lại nữa, nếu xa lìa các nhập mà phiền não, nương tựa thì được các nhập không bị phiền não nương tựa, đó gọi là giải thoát.

Lại nữa, nếu xa lìa nhóm chúng sinh phiền não, tự lập ra trong nhóm chúng sinh không có phiền não, thì được gọi là giải thoát.

Lại nữa, nếu vì đời làm ruộng phước, thì gọi là giải thoát, như kệ nói:

*Tâm dục hoại chúng sinh  
Như cỏ hại ruộng tốt  
Nếu thí người vô dục  
Sẽ được quả rộng lớn.*

Lại nữa, nếu hại mạng người kia, sẽ mắc tội Vô gián, đó gọi là giải thoát.

Lại nữa, nếu dứt bỏ các bờ đê phiền não đắm nhiễm, dẹp trừ tất cả chướng ngại, dứt bỏ bốn cách ăn, lìa bốn thức trụ, phá tan bốn ma, vượt

qua chỗ cư trú của chín chúng sinh, đó gọi là giải thoát.

Lại nữa, nếu người học thực hành công đức không xen tạp, xa lìa lỗi ác, thực hành pháp thiện, căn thiện, căn bất thiện lẫn nhau hiện ở trước. Nếu chỉ thực hành hạnh thiện, v.v..., không làm hành vi bất thiện, thì đó gọi là giải thoát.

Hỏi: Như năm ấm đều được giải thoát, vì sao chỉ nói một mình tâm được giải thoát?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì tâm vượt hơn, nên trong đó phải nói, như lời đáp trong phẩm thứ nhất.

Hỏi: Chỉ có một sát-na tâm được giải thoát chăng?

Đáp: Không. Vì nếu nói một sát-na sinh tâm, phải biết là nói tất cả tâm vị lai. Vì sao? Vì tâm Vô học của vị lai sẽ được vận hành ở đời.

Hỏi: Lúc được tận trí, chỗ tu căn thiện ba cõi ở đời vị lai, có phải sẽ được giải thoát không?

Đáp: Được. Vì sao? Vì cũng trừ được chướng kia.

Hỏi: Nếu thối lui quả A-la-hán, thì được quả A-la-hán trở lại, đạo vô lậu trước đã được ở quá khứ kia, người đó có được giải thoát không?

Đáp: Không được. Vì không diệt trừ chướng, như đạo vô ngại diệt, cho đến nói rộng. Đạo vô ngại là định Kim cương dụ.

Hỏi: Vì sao gọi là Kim cương dụ?

Đáp: Giống như kim cương đập vỡ tất cả, không có vật gì không thể hủy hoại, không có vật gì mà không thể xuyên qua. Hoặc sắt, hoặc ngói, đá, ngọc ma-ni, pha-lê, núi. Các vật như thế đều bị kim cương đập vỡ. Định kia cũng thế, đối với tất cả phiền não nếu không phá diệt hết thì không có việc đó.

Vì phân biệt nên nói: Nếu phạm phu còn bị ràng buộc, mà khởi được định này, thì sẽ dứt trừ được tất cả phiền não. Vì sao? Vì là pháp đối trị tất cả phiền não.

Làm sao biết?

Đáp: Vì khi được quả A-la-hán, là đã chứng đắc giải thoát, tất cả phiền não của ba cõi đã được thấy đạo, tu đạo dứt trừ hết. Vì việc này, nên biết được định ấy là pháp đối trị tất cả phiền não.

Hỏi: Như thể tánh của định Kim cương dụ, hoặc là năm ấm, hoặc là bốn ấm, vì sao chỉ gọi là định?

Đáp: Vì thế lực của định nghiêng về nhiều, nên gọi là định. Như thế của thấy đạo là năm ấm, vì thế lực của thấy đạo nghiêng về nhiều nên gọi là thấy đạo. Như thể tánh của trí bên cạnh, kiến đạo v.v... là

năm ấm, bốn ấm, vì thế lực của trí nghiêng về nhiều, nên gọi là trí. Như thể tánh của bốn đạo thông là năm ấm, bốn ấm, do thế lực của thông nhiều, nên gọi là thông. Thể tánh của định Kim cương dụ là năm ấm, bốn ấm, vì thế lực của định nhiều, nên gọi là Định.

Hỏi: Nếu vậy thì nhân luận sinh luận, xử kia vì sao thế lực của định nhiều?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì Phi tướng Phi phi tướng xử khó dứt, khó phá, khó vượt qua, nên phải giữ định vững chắc để chặt chân, phát đại tinh tiến. Như người khi muốn hại voi, trước phải yên định chân mình, dốc hết sức dũng mãnh của mình, sau đó mới có thể hại được. Cũng thế, Phi tướng Phi phi tướng xử khó dứt, khó phá, khó vượt qua, trước hết cần phải yên định chân của hành giả, phát đại tinh tiến xong, sau đó mới có thể dứt trừ, như voi là phiền não bậc hạ hạ của Phi tướng Phi phi tướng xử.

Lại có thuyết nói: Phi tướng Phi phi tướng xử là vi tế khó biết, khó có thể hiểu rõ, phải có pháp giữ ý lớn, như người muốn bắn một sợi lông, có cách giữ ý cẩn thận, xử kia cũng giống như thế. Định Kim cương dụ này, nếu ở thiên Vị chí thì sẽ có năm mươi hai định Kim cương dụ. Việc ấy thế nào? Định Kim cương dụ đi chung với sáu trí, nghĩa là bốn tỷ trí và hai pháp trí. Hai pháp trí là diệt trí và đạo trí. Dựa vào thiên Vị chí, do khổ tỷ trí, sẽ được quả A-la-hán. Người kia quán bốn hành như khổ v.v... của Phi tướng Phi phi tướng xử, nếu một hành hiện ở trước, thì sẽ được quả A-la-hán. Nếu dùng tập tỷ trí để quán bốn hành như tập v.v... của Phi tướng Phi phi tướng xử, nếu một hành hiện ở trước, thì sẽ được quả A-la-hán. Nếu dùng diệt pháp trí quán hành hiện ở trước thì sẽ được quả A-la-hán. Nếu dùng diệt pháp trí quán bốn hành như diệt v.v... của các hành cõi Dục, nếu một hành hiện ở trước, thì sẽ được quả A-la-hán v.v.... nếu dùng Đạo pháp trí quán bốn hành như đạo, v.v... của các hành cõi Dục, nếu một hành hiện ở trước thì sẽ được quả A-la-hán. Nếu dùng Diệt tỷ trí, kia hoặc có người quán bốn hành như diệt, v.v... trong các hành của Sơ thiên, nếu một hành hiện ở trước thì sẽ được quả A-la-hán. Như vậy, cho đến quán các diệt của Phi tướng Phi phi tướng, cũng giống như thế.

Tám lần bốn như thế có ba mươi hai. Nếu dùng đạo tỷ trí quán bốn hành như phần đạo của tỷ trí trong chín địa, nếu một hành hiện ở trước, thì sẽ được quả A-la-hán. Diệt tỷ trí có ba mươi hai, đạo tỷ trí bốn, trước có mười sáu. Đó gọi là dựa vào thiên Vị chí có năm mươi hai định Kim cương dụ.

Cũng thế, dựa vào Sơ thiên, thiên trung gian, đệ Nhị thiên, đệ Tam thiên, đệ Tứ thiên cũng có năm mươi hai định Kim cương dụ. Không xứ có hai mươi tám. Nếu dựa vào Không xứ, dùng khổ tử trí quán bốn hành như khổ v.v... của Phi tưởng Phi phi tưởng, nếu một hành hiện ở trước thì sẽ được quả A-la-hán. Nếu dùng tập tử trí thì thuyết minh cũng như trên. Nếu dùng diệt tử trí quán bốn hành như diệt, v.v... của các hành ở Không xứ, như trước đã nói. Hoặc quán Thức xứ, hoặc quán Vô sở hữu xứ, hoặc quán bốn hành như diệt, v.v... của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, nói rộng như trên. Nếu dùng đạo tử trí quán bốn hành như phần đạo của tử trí... trong chín địa, nói rộng như trên. Diệt tử trí có mười sáu, đạo tử trí có bốn, trước có tám, đó gọi là dựa vào Không xứ có hai mươi tám định Kim cương dụ. Thức xứ có hai mươi bốn, vô hữu xứ có hai mươi. Như thế tùy chỗ đối tượng thích hợp mà nói, đó là nghĩa của một nhà.

Lại có thuyết nói: Có tám mươi trong thiên Vị chí. Việc ấy thế nào? Định Kim cương dụ đều cùng có với sáu trí, như trên đã nói. Nếu dựa vào thiên Vị chí, dùng khổ tử trí thì sẽ được quả A-la-hán, quán khổ của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, như trước nói. Nếu dùng tập tử trí, quán tập của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, thì như trước đã nói. Nếu dùng diệt pháp trí quán các hành của cõi Dục diệt, thì như trước đã nói. Dùng đạo pháp trí quán đạo dứt các hành cõi Dục, như trước đã nói. Nếu dùng diệt tử trí quán các hành của Sơ thiên diệt, thì như trước đã nói. Hoặc có khi quán, cho đến các hành diệt của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, cũng nói như trên. Tám lần bốn này có ba mươi hai.

Đạo tử trí cũng có ba mươi hai, hợp lại là sáu mươi bốn và trước có mười sáu, đó gọi là dựa vào địa Vị chí có tám mươi định Kim cương dụ.

Sơ thiên, thiên trung gian, đệ Nhị thiên, đệ Tam thiên, đệ Tứ thiên như thế cũng có tám mươi, Không xứ có bốn mươi. Nếu dựa vào Không xứ, dùng khổ tử trí sẽ được quả A-la-hán, nói rộng như trên. Dùng tập tử trí, nói cũng như trên. Nếu dùng diệt tử trí quán các hành diệt của Không xứ, cho đến các hành diệt của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ có mười sáu. Đạo tử trí cũng có mười sáu, trước có tám. Đó gọi là Không xứ có bốn mươi định Kim cương dụ.

Thức xứ có ba mươi hai, Vô sở hữu xứ có hai mươi bốn, nên tùy ở tướng nói rộng.

**Bình luận:** Nếu nói như thế thì đúng: Dựa vào thiên Vị chí, phải có một trăm sáu mươi bốn định Kim cương dụ. Việc ấy ra sao? Nếu dựa vào thiên Vị chí, dùng khổ tử trí quán khổ của Phi tưởng Phi phi tưởng

xứ, nói rộng như trên. Nếu dùng tập tỳ trí quán tập của phi tưởng Phi phi tưởng xứ, cũng nói như trên. Nếu dùng diệt pháp trí, quán các hành diệt cõi Dục, cũng nói như trên. Nếu dùng đạo pháp trí quán đạo dứt các hành cõi Dục, cũng nói như trên. Nếu dùng diệt tỳ trí quán các hành diệt của Sơ thiền, hoặc hữu cho đến quán các hành diệt của Phi tưởng phi tưởng xứ, như thế.

Tám lần bốn có ba mươi hai, như trước đã nói.

Hoặc có khi quán Sơ thiền, cũng có quán đệ Nhị thiền, cũng quán đệ Tam thiền. Hoặc quán đệ Tam thiền, cũng quán đệ Tứ thiền. Hoặc quán đệ Tứ thiền, cũng quán Không xứ. Hoặc quán Không xứ, cũng quán Thức xứ. Hoặc quán Thức xứ, cũng quán Vô sở hữu xứ. Hoặc quán Vô sở hữu xứ, cũng quán Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Hoặc có khi quán Sơ thiền, đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền. Đệ Tứ thiền. Hoặc có khi quán đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, Không xứ. Hoặc có khi quán đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, Không xứ, Thức xứ. Hoặc có khi quán đệ Tứ thiền, Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ. Hoặc có khi quán Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Hoặc có khi quán Sơ thiền, cho đến Không xứ. Hoặc có khi quán đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền. Hoặc có khi quán đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, Không xứ. Hoặc có khi quán đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, Không xứ, Thức xứ. Hoặc có khi quán đệ Tứ thiền, Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ. Hoặc có khi quán Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Hoặc có khi quán Sơ thiền cho đến Không xứ. Hoặc có khi quán đệ Nhị thiền, cho đến Thức xứ. Hoặc có khi quán đệ Tam thiền, cho đến Vô sở hữu xứ. Hoặc có khi quán đệ Tứ thiền cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Hoặc có khi quán Sơ thiền cho đến Thức xứ. Hoặc có khi quán đệ Nhị thiền cho đến Vô sở hữu xứ. Hoặc có khi quán đệ Tam thiền cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Hoặc có khi quán Sơ thiền cho đến Vô sở hữu xứ. Hoặc có khi quán đệ Nhị thiền cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Hoặc có khi quán Sơ thiền cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Nếu dùng đạo tỳ trí quán bốn hành như phần đạo của tỳ trí... trong chín địa, nếu một hành hiện ở trước, thì sẽ được quả A-la-hán. Ở đây có bốn, khổ tỳ trí trước có bốn, tập tỳ trí có bốn, diệt pháp trí có bốn, đạo pháp trí có bốn, diệt tỳ trí có một trăm bốn mươi bốn.

Như thế nương vào thiền Vị chí, có một trăm sáu mươi bốn định Kim cương dụ. Sơ thiền, thiền trung gian, cho đến đệ Tứ thiền cũng có một trăm sáu mươi bốn. Không xứ có năm mươi hai. Nếu dựa vào Không xứ, hoặc dùng khổ tỳ trí thì sẽ được quả A-la-hán, quán bốn

hành như khổ v.v... của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nói rộng như trên.

Nếu dùng tập tỹ trí để quán tập của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nói rộng như trên.

Nếu dùng diệt tỹ trí, hoặc quán các hành diệt của Không xứ, cho đến hoặc quán các hành diệt của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nói rộng như trên. Hoặc có khi quán Không xứ, Thức xứ. Hoặc có khi quán Thức xứ, Vô sở hữu xứ. Hoặc có khi quán Vô sở hữu xứ, Phi tướng Phi phi tướng. Hoặc có khi quán Không xứ cho đến Vô sở hữu xứ. Hoặc có khi quán Thức xứ cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Hoặc có khi quán Không xứ cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ.

Nếu dùng đạo tỹ trí để quán bốn hành như phần đạo của tỹ trí... trong chín địa, nói rộng như trên. Ở đây có bốn, khổ tỹ trí ở trước có bốn, tập tỹ trí có bốn, diệt tỹ trí có bốn mươi. Đó gọi là dựa vào Không xứ có năm mươi hai định kim cương dụ. Thức xứ có ba mươi sáu. Nếu dựa vào Thức xứ, dùng khổ tỹ trí để quán bốn hành như khổ v.v... của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nói rộng như trên. Nếu dùng tập tỹ trí để quán bốn hành như khổ của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nói rộng như trên. Hoặc dùng diệt tỹ trí để quán các hành diệt của Thức xứ, cho đến hoặc quán các hành diệt của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nói rộng như trên. Nếu dùng diệt tỹ trí để quán Thức xứ, Vô sở hữu xứ. Hoặc quán Vô sở hữu xứ, Phi tướng Phi phi tướng xứ. Hoặc có khi quán Thức xứ cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Nếu dùng đạo tỹ trí để quán bốn hành như phần đạo của tỹ trí... trong chín địa, nói rộng như trên. Ở đây có bốn, khổ tỹ trí ở trước có bốn, tập tỹ trí có bốn, diệt tỹ trí có hai mươi bốn. Cũng thế, dựa vào Thức xứ có ba mươi sáu định kim cương dụ.

Vô sở hữu xứ có hai mươi bốn. Dựa vào Vô sở hữu xứ, nếu dùng khổ tỹ trí để quán bốn hành như khổ v.v... của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nói rộng như trên. Hoặc dùng tập tỹ trí để quán bốn hành như tập v.v... của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nói rộng như trên. Nếu dùng diệt tỹ trí để quán các hành diệt của Vô sở hữu xứ, hoặc quán các hành diệt của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nói rộng như trên. Hoặc quán các hành diệt của Vô sở hữu xứ, Phi tướng Phi phi tướng xứ, nói rộng như trên.

Nếu dùng đạo tỹ trí để quán bốn hành như phần đạo của tỹ trí v.v... trong chín địa, nói rộng như trên. Ở đây có bốn, khổ tỹ trí ở trước có bốn, tập tỹ trí có bốn, diệt tỹ trí có mười hai. Cũng thế là dựa vào Vô sở hữu xứ có hai mươi bốn định kim cương dụ.

Trong cõi Vô sắc, không nên nói pháp trí. Sinh trong cõi Sắc, không nên nói pháp trí, không nên nói là sinh địa trên, dựa vào sự là

dục của địa dưới, trừ Phi tướng Phi phi tướng xứ. Cũng không nên nói sinh lên địa trên, quán diệt của địa dưới, trừ sinh trong cõi Sắc. Cũng như sinh cõi Dục, nói là sinh cõi Vô sắc, như thuyết sinh cõi Dục, cõi Sắc.

Tôn giả Cù-sa nói: Định kim cương dụ có mười ba, thế nào là mười ba? Nghĩa là các việc dứt phiền não của Phi tướng Phi phi tướng xứ thuộc về đạo vô ngại của thấy đạo có bốn, thuộc tu đạo có chín.

Hỏi: Tâm đã giải thoát, tâm được giải thoát chăng? Tâm chưa giải thoát, có được giải thoát chăng?

Đáp: Tâm đã giải thoát, nói được giải thoát. Ông nói như thế: Tâm đã giải thoát, nói được giải thoát, không nên nói tâm đã giải thoát, nói được giải thoát. Vì sao? Vì nếu đã giải thoát, thì không được nói sẽ giải thoát, nếu sẽ giải thoát thì không được nói đã giải thoát.

Hỏi: Tâm đã giải thoát, vì sao lại nói được giải thoát?

Đáp: Vì việc ấy nên trước nói rằng: Nếu lấy phiền não mà nói thì gọi là đã giải thoát, nếu vì làm việc đời ở thân mà nói thì gọi là được giải thoát. Ta cũng nói đã giải thoát, nói được giải thoát. Cũng nói việc đã làm, nói là làm. Người nói như thế có lỗi gì? Đức Phật cũng nói đã giải thoát, nói được giải thoát, việc đã làm, nói là làm. Vì muốn chứng minh nghĩa này nên đã dẫn Kinh Phật. Ý ông nghĩ sao? Kinh Phật vì là khéo nói không chăng? Như kệ nói:

*Nếu dứt dục không còn  
Như hoa sen trong nước  
Tỳ-kheo bỏ dây, kia  
Như rắn lột bỏ da.*

Hỏi: Đức Phật nói kệ này có phải vì đã xả nói xả, hay là chưa xả nói xả?

Đáp: Đức Phật nói đã xả nói là xả. Trong kệ này nói: Đoạn dục không còn, tức đã xả nói là xả. Như trong kệ này nói, đã xả nói là xả, đã làm nói là làm. Ta cũng như thế, đã giải thoát, nói được giải thoát, mà không có lỗi. Vì làm chứng cho nghĩa này, nên lại dẫn kinh Phật. Như kệ nói:

*Mạn hết tự định ý  
Tâm thiện, tất cả thoát.  
Một ở yên không loạn  
Vượt chết đến bờ kia.*

Hỏi: Trong kệ này nói đã độ là độ hay chưa độ là độ?

Đáp: Trong kệ này nói đã độ là độ, nếu lúc tâm thiện, tất cả được

giải thoát, gọi là đã độ nói là độ. Như kinh này nói đã độ nói là độ, đã làm nói là làm. Ta cũng giống như thế, đã giải thoát, nói là được giải thoát.

Lại, Đức Thế tôn nói: Tập nhàm chán thì không có dục, tập không có dục thì giải thoát, tập giải thoát là Niết-bàn

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đó là kinh Phật. Kinh Phật nói: Tập nhàm chán thì không có dục, cho đến nói rộng. Không phân biệt thế nào là nhàm chán? Thế nào là vô dục, cho đến nói rộng.

Kinh Phật là căn bản của luận này. Những gì trong kinh kia không nói, thì nay sẽ nói. Vì đó, nên soạn luận này.

Tập có hai thứ:

1. Có thể sinh.

2. Có thể đến.

Có thể sinh: Như tập nhàm chán, có thể sinh vô dục, tập vô dục, có thể sinh giải thoát. Có thể đến: Như tập giải thoát, có thể đạt đến Niết-bàn.

Lại có thuyết nói: Tập có hai thứ:

1. Tùy thuận.

2. Tùy ứng.

Tùy thuận: Như tập nhàm chán, được không có dục, tập không có dục, được giải thoát. Tùy ứng: Tập giải thoát nên được Niết-bàn.

Hỏi: Nếu là tánh của tập, cũng là tánh của duyên phải chăng?

Đáp: Các tánh của duyên này tức là tánh của tập.

Hỏi: Có tánh của tập nào chẳng phải tánh của duyên hay không?

Đáp: Có, đó là tập giải thoát, được Niết-bàn. (Tập này có nghĩa không duyên đối với Niết-bàn mà có thể đến Niết-bàn).

Hỏi: Thế nào là nhàm chán?

Đáp: Vô học ghét bỏ các hành của năm thủ ấm thấp kém, như kinh này đã nói rộng.

Hỏi: Như nhàm chán này cũng là học, cũng là Vô học, cũng là Phi học phi Vô học, vì sao chỉ nói Vô học?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì danh nghĩa đều vượt hơn. Nếu tìm pháp vượt hơn, thì pháp Vô học là vượt hơn. Nếu tìm người vượt hơn thì người Vô học vượt hơn.

Tôn giả Cù-sa nói: Vì vượt hơn nhiều, nên không có lỗi, tức chỉ nói Vô học nhàm chán, không nói người Hữu học, người phạm phu.

Lại có thuyết nói: Đức Thế tôn vì nói về căn bản của pháp thù



thắng, nên Vô học là căn bản của pháp vượt hơn. Vô học là căn bản của pháp vượt hơn, chứ chẳng phải người Hữu học, người phàm phu.

Lại có thuyết nói: Nếu nói pháp sau cùng thì cũng nói pháp bắt đầu.

Lại có thuyết nói: Nếu không có hai pháp đối ứng nhau thì phải nói rộng như Vô học ở trên.

Hỏi: Thể tánh của nhàm chán là gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thể là tánh tuệ.

Hỏi: Nếu vậy thì thể tánh của nhàm chán là khổ nhãn, khổ trí, thuyết kia khéo hiểu nhưng vẫn nầy làm sao hiểu? Như nói: Thế nào là tập nhàm chán mà được lìa dục?

Đáp: Căn thiện không có dục, giận dữ, ngu si tương ứng với sự nhàm chán.

Hỏi: Nếu vậy thì tuệ lại tương ứng với tuệ chẳng?

Đáp: Vẫn ấy nên nói rằng: Căn thiện không có dục, tương ứng với sự nhàm chán kia, không nên nói là không có giận dữ, không có ngu si. Lẽ ra nên nói mà không nói, phải biết vẫn nầy do người tạo tụng nói dài.

Lại có thuyết nói: Sự nhàm chán nầy là pháp tâm sở và tâm tương ứng.

Hỏi: Nếu vậy thì vẫn nầy khéo hiểu. Còn thể mà Kiên-độ Kiến đã nói là khổ nhãn, khổ trí, lại làm sao hiểu?

Đáp: Nói nhàm chán trong Kiên-độ kia là do gần với khổ nhãn, khổ trí.

Ở chỗ nào đạt được nhàm chán?

Đáp: Ở bên khổ nhãn, khổ trí.

**Bình luận:** Không nên nói như thế, nói như trước là đúng: Thể tánh của sự nhàm chán là tuệ.

Hỏi: Thế nào là sự nhàm chán của thế tục?

Đáp: Là tương ứng với bất tịnh, tức là thể của A-na-ban-na, là Noãn, Đảnh, Nhãn duyên với khổ, tập, là pháp Thế đệ nhất, là duyên theo khổ, tập trí, bên kiến đạo v.v... tương ứng với bi, tương ứng với đệ nhất, đệ nhị giải thoát, tương ứng với bốn thắng xứ đầu tiên. Thân nầy như bệnh, như ung nhọt, như ghẻ lở, là vô thường, khổ, không, vô ngã, vì tập có hành như duyên v.v..., nói thô thì có các tướng như thế, nếu nói rộng thì lượng nhiều hơn nước bốn biển.

Hỏi: Nếu thể của sự nhàm chán là đáng nhàm chán chẳng? Nếu thể là đáng nhàm chán là nhàm chán chẳng? Cho đến nói rộng thành

bốn trường hợp:

1. Trường hợp đầu: Vô lậu nhằm chán.

2. Trường hợp hai: Trừ sự nhằm chán của thế tục, còn các thể hữu lậu khác.

3. Trường hợp ba: Thế tục nhằm chán.

4. Trường hợp bốn: Trừ vô lậu nhằm chán, còn các thể vô lậu khác.

Hỏi: Như quán tất cả pháp vô ngã, là quán nhằm chán hay quán vui vẻ, phấn khởi?

Đáp: Về nghĩa này đã nói trong hành vô ngã ở trước.

Hỏi: Thế nào là tập nhằm chán được lìa dục?

Đáp: Không có dục tương ứng với nhằm chán, là căn thiện không có dục. Văn này nên nói như thế, không nên nói: Không có giận dữ, không có ngu si.

Hỏi: Thể tánh của vô dục là gì?

Đáp: Là thể tánh không tham.

Hỏi: Thế nào là tập vô dục được giải thoát?

Đáp: Vô dục kia tương ứng với giải thoát, cho đến nói rộng.

Trong tất cả các pháp, có hai pháp thể là giải thoát:

1. Hữu vi.

2. Vô vi.

Hữu vi là giải thoát trong pháp tâm sở. Vô vi là số diệt.

Ở đây, chỉ nói giải thoát hữu vi, không nói giải thoát vô vi. Giải thoát hữu vi có hai thứ:

1. Nhiễm ô.

2. Không nhiễm ô.

Nhiễm ô là giải thoát tà. Không nhiễm ô là giải thoát chánh.

Chánh giải thoát lại có hai thứ:

1. Hữu lậu.

2. Vô lậu.

Hữu lậu: Tương ứng với quán bất tịnh, tương ứng với từ, bi, hỷ, xả. Vô lậu: Tương ứng với Học, Vô học. Học là có bốn hướng trụ nơi ba quả. Vô học chỉ trụ một quả. Vô học lại có hai thứ:

1. Thời tâm giải thoát.

2. Phi thời tuệ giải thoát.

Thời tâm giải thoát là năm loại A-la-hán. Phi thời tuệ giải thoát là A-la-hán bất động. Đây tức là dứt tâm dục được giải thoát, đây tức là tuệ dứt trừ vô minh được giải thoát.

Hỏi: Nếu dứt trừ dục tức là tâm được giải thoát, dứt trừ vô minh tức là tuệ được giải thoát, thì theo luận Nhiếp Pháp nói làm sao hiểu?

Như nói: Thế nào là dứt tâm dục được giải thoát?

Đáp: Căn thiện vô tham.

Thế nào là dứt trừ vô minh tuệ được giải thoát?

Đáp: Căn thiện vô si.

Hỏi: Như căn thiện vô tham, vô si, tánh chẳng phải giải thoát, vì sao nói là giải thoát?

Đáp: Văn này nên nói rằng: Thế nào là dứt trừ tâm dục, được giải thoát?

Đáp: Căn thiện vô tham tương ứng với giải thoát.

Thế nào là tuệ dứt trừ vô minh được giải thoát?

Đáp: Là căn thiện vô si tương ứng với giải thoát.

Văn này lẽ ra phải nói như thế, mà không nói thì có ý gì?

Đáp: Điều có chỗ tạo tác: Hoặc hữu vi dứt dục, nên siêng năng dùng phương tiện, hoặc hữu vi dứt trừ vô minh cho nên siêng năng dùng phương tiện. Hoặc hữu vi dứt dục, siêng năng dùng phương tiện:

Gọi là tâm giải thoát. Hoặc hữu vi dứt vô minh, siêng năng dùng phương tiện: Gọi là tuệ giải thoát. Nhưng sự giải thoát kia lại không có tự thể riêng.

Lại có thuyết nói: Vô tham tương ứng với tham, vô si tương đối trợ với si, cho nên gọi là vô tham, vô si.

Thế nào là tập giải thoát được Niết-bàn?

Đáp: Nếu dứt hết tất cả ái, cho đến nói rộng.

Hỏi: Như dứt trừ hết một thân kiến, cũng gọi là Niết-bàn, vì sao nói là dứt hết tất cả ái?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trong đó nói Niết-bàn tròn đầy là sao? Nghĩa là dứt hết tất cả ái, cho đến nói rộng.

Lại có thuyết nói: Các đạo đã nói trong đây, đều nói là đạo trong thân Vô học. Như nói đạo trong thân Vô học, nói quả của đạo trong thân Vô học cũng giống như thế. Người Hữu học dứt là chưa rốt ráo, chẳng phải không còn sót.

Hỏi: Thế nào gọi là nghĩa Niết-bàn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các ấm được hẳn không còn sinh nữa, là nghĩa của Niết-bàn.

Lại có thuyết nói: Nghĩa diệt tất cả phiền não là nghĩa của Niết-bàn.

Lại có thuyết nói: diệt các thứ đại, là nghĩa của Niết-bàn.

Lại có thuyết nói: Nghĩa không diệt là nghĩa của Niết-bàn, như

nhân đường ngang dọc của tấm vải để dệt thành thảm thì mới thành, nếu không nhân đường ngang dọc v.v... thì việc dệt thảm sẽ không thành. Cũng thế, nhân nơi đường ngang dọc nơi tấm vải phiền não nghiệp, nên dệt tấm thảm thọ sinh mới thành, nếu không nhân nơi nghiệp v.v... thì việc dệt tấm thọ sinh sẽ không thành. Vì việc ấy, nên nghĩa không dệt là nghĩa của Niết-bàn.

Hỏi: Sự nhàm chán, không dục và giải thoát Niết-bàn có gì khác nhau không?

Đáp: Ghét bỏ sự thấp kém là nhàm chán, không cầu mong là vô dục, tâm không vẫn đục là giải thoát, trút bỏ gánh nặng là Niết-bàn.

Lại có thuyết nói: Ghét bỏ phiền não thấp kém là sự nhàm chán, dứt bỏ phiền não là vô dục, không đi chung với phiền não là giải thoát, các ấm dứt hết là Niết-bàn.

Như Tôn giả Cù-sa giải thích về kinh này nói: Tri kiến như thật là kiến địa, nhàm chán là bậc địa, vô dục là địa vô dục, giải thoát là địa Vô học, Niết-bàn là các ấm bất sinh.

Đức Thế tôn nói: Ba cõi: Cõi dứt, cõi vô dục và cõi diệt, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật. Kinh Phật nói: Tôn giả A-nan đi đến chỗ Thượng tọa Trưởng lão, đến rồi, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao Tôn giả A-nan đi đến chỗ Trưởng lão kia?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tôn giả A-nan là người cầm lái con thuyền pháp Phật, thường xem xét bốn chúng, thường đến chỗ các Tỷ-kheo, lo nghĩ cho các Tỷ-kheo về việc nhận lầm cảnh giới, lười biếng, vô dụng để thì giờ trôi qua vô ích. Vì việc này, nên Tôn giả đến chỗ các Trưởng lão ấy.

Lại có thuyết nói: Tôn giả A-nan nghĩ rằng: Nếu Tỷ-kheo Trưởng lão kia có được công đức thắng tiến, ta sẽ khen ngợi và tùy hỷ, nếu không được, ta sẽ chỉ cho họ phương tiện. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đến chỗ Trưởng lão kia, sinh khởi tín tương tự. Tín có hai thứ: Là tín tương tự và tín không tương tự. Tín tương tự là: Nếu người kia ở chỗ A-lan-nhã thì hỏi pháp A-lan-nhã, là người A-tỳ-đàm thì hỏi pháp A-tỳ-đàm, là người trì Tu-đa-la thì hỏi pháp Tu-đa-la, là người trì luật thì hỏi pháp luật. Tín không tương tự là: Hỏi trái với ở trên.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan hỏi Thượng tọa Trưởng lão kia về pháp A-luyện-nhã: Các ông thường quán cảnh giới nào?

Trưởng lão kia đáp: Tôi quán Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

A-nan lại hỏi: Nếu tu hành rộng khắp pháp Xa-ma-tha thì sẽ có lợi gì?

Trưởng lão kia đáp: Nếu tu hành rộng khắp pháp Xa-ma-tha thì đó gọi là tu tâm. Nếu người tu tâm thì sẽ được tâm giải thoát.

Hỏi: Như nghĩa của A-tỳ-đàm, trong một tâm có định, có tuệ, làm sao phân biệt người tu phương tiện định, người tu phương tiện tuệ?

Đáp: Vì dựa vào sự đầy đủ nên biết. Hoặc có người phần nhiều dựa đủ vào định, hoặc có người phần nhiều dựa đủ vào tuệ.

Người phần nhiều dựa đủ vào định: Tánh ưa ở một mình, thường ưa rảnh rang, vắng lặng, thích ở nhà trống trải, không ưa nói năng.

Người phần nhiều dựa đủ vào tuệ: Thường xuyên ưa thọ trì đọc tụng Tu-đa-la, A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, cũng để giáo hóa người, quán sát tướng chung, tướng riêng.

Những việc như thế gọi là sự khác nhau.

Lại có thuyết nói: Hoặc có người buộc tâm vào một duyên, mà không phân biệt pháp tướng, hoặc có người không buộc tâm vào một duyên mà phân biệt pháp tướng.

Người buộc tâm vào một duyên, không phân biệt pháp tướng, đó gọi là tu định. Nếu người không buộc tâm vào một duyên mà phân biệt pháp tướng, thì đó gọi là tu tuệ.

Tôn giả A-nan hỏi: Nếu người dùng phương tiện định để tu tâm thì được tâm giải thoát. Nếu dùng phương tiện tuệ để tu tâm thì được tuệ giải thoát. Nếu dùng phương tiện định, tuệ để tu tâm thì sẽ được những giải thoát gì?

Đáp: Được giải thoát về cõi (giới).

Hỏi: Được giải thoát về những cõi (giới) gì?

Đáp: Ba cõi, là cõi dục, cõi vô dục, cõi diệt.

Hỏi: Như dứt là pháp không có duyên, không thể có sở duyên, vì sao nói là được giải thoát cõi dứt?

Đáp: Quán giải thoát của Niết-bàn trong đây là dùng cõi để nói. Vì sao? Vì tuy người siêng năng tu hành tinh tiến mà không thể sinh quán giải thoát của Niết-bàn, thì sau cùng vẫn không thể được tâm giải thoát. Vì thế, nên quán giải thoát của Niết-bàn được gọi là cõi.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan từ chỗ Tỳ-kheo Thượng tọa Trưởng lão nghe nói như thế rồi, liền đến trên đàn Ca-lê-lặc, đem nghĩa như thế hỏi hết năm trăm Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đều dùng nghĩa như thế để đáp.

Hỏi: Các Tỳ-kheo này đáp ra sao?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Như chỗ pháp hội hiện nay, trước hết là

những vị hạ tọa nói, các vị khác cũng như thế.

Lại có thuyết nói: Một người đáp, các người khác đồng ý.

Tôn giả Ba-xa nói: Lúc ấy, tác bạch yết ma phát thẻ, người nhận thẻ gọi là đáp.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan hỏi các Tỳ-kheo xong, bèn đến chỗ Phật, đem các nghĩa như thế hỏi Phật. Phật cũng dùng nghĩa như thế để đáp. Hỏi: Tôn giả A-nan vì không thể vừa ý về lời đáp của Tỳ-kheo Thượng tọa và năm trăm Tỳ-kheo nên phải đi đến hỏi Phật phải

chăng?

Đáp: Có vừa ý.

Hỏi: Nếu vừa ý thì vì sao còn phải hỏi Phật?

Đáp: Vì muốn chứng tỏ cuộc hỏi đáp đầy đủ đồng kiến giải, đồng mong muốn, đồng ý trong pháp thiện thuyết. Trong pháp ngoại đạo, ý muốn không đồng, phá hoại pháp pháp. Trong pháp thiện thuyết, vì ý mong muốn đồng, nên đã không phá hoại pháp pháp. Vì pháp này mâu nhiệm, nên giữa thầy và đệ tử, với những gì đã nói từ lúc bắt đầu đến sau cùng đều không sai trái nhau.

Lại có thuyết nói: Vì muốn cho nhiều người xa lìa tội lỗi. Việc ấy thế nào? Nghe nói Tỳ-kheo Thượng tọa Trưởng lão kia đã trải qua sáu mươi năm ở trong thai mẹ. Khi sinh ra, thân hình già nua, gầy ốm, không có oai đức. Bấy giờ, nhiều người sinh tâm khinh miệt, nói rằng: Các người tuổi trẻ, có đầy đủ sức mạnh, từ đầu hôm đến gần sáng, siêng năng tu hành tinh tiến, đối với pháp thắng tiến còn khó được, huống gì là người với thân già nua, gầy ốm, mà có thể được pháp này hay sao? Nhưng năm trăm Tỳ-kheo này vì việc uống ăn, nên đã bị Đê-bà-đạt-đa phá hoại, về sau, họ mới trở về với Phật. Lúc đó, đã có nhiều người sinh tâm không tin, là các Tỳ-kheo tham lợi cúng dường, đâu thể được pháp thắng tiến, mới khiến cho nhiều người gây ra các tội lỗi.

Khi ấy, Tôn giả A-nan vì muốn cho nhiều người bỏ đi tội lỗi, nên đến hỏi Phật.

Mặc dù kinh kia đã nói cõi dứt, cõi vô dục và cõi diệt, nhưng không nói rộng. Nhân kinh kia mà luận này soạn ra vô số tạp thuyết Ưu-ba-đề-xá. Kinh kia là căn bản để soạn ra luận này. Những pháp nào trong kinh kia không nói, nay luận đều sẽ nói. Đó là lý do soạn luận này.

Thế nào là cõi dứt? Nay trước ta sẽ nói về pháp danh số đối trị gần của A-tỳ-đàm.

Hỏi: Cõi dứt là thế nào?

Đáp: Trừ kiết ái, các kiết còn lại đều được dứt trừ, đó gọi là cõi

dứt. Các kiết còn lại, nghĩa là trừ kiết ái, là tám kiết còn lại.

Hỏi: Cõi vô dục là sao?

Đáp: Nếu kiết ái đã dứt, là đối trị gần tức vô dục đối trị có dục.

Hỏi: Thế nào là cõi diệt?

Đáp: Trừ chín kiết, các pháp kiết còn lại đều diệt, đó gọi là cõi diệt. Ở đây thể của tất cả hữu lậu đều nói là pháp kiết.

Lại có thuyết nói: Có tám kiết và pháp tương ứng của tám kiết, nếu dứt trừ chỗ khởi của sinh v.v..., thì đó gọi là cõi dứt. Kiết ái, pháp tương ứng của kiết ái và chỗ khởi như sinh v.v..., nếu được lìa dục là cõi vô dục. Nếu nói chín kiết, tức gồm nhiếp tất cả pháp nhiễm ô. Ngoài ra, chỉ có pháp thiện hữu lậu và vô ký không ẩn một, hoặc pháp kia diệt, thì gọi là cõi diệt.

Lại có thuyết nói: Có pháp ràng buộc mà không nhiễm ô. Có pháp vừa ràng buộc, vừa nhiễm ô. Có pháp không ràng buộc không nhiễm.

Pháp ràng buộc mà không nhiễm ô, nếu dứt thì đó gọi là cõi dứt.

Pháp vừa ràng buộc, vừa nhiễm ô, nếu được lìa dục, là cõi vô dục.

Không ràng buộc, không nhiễm ô: Sự ràng buộc khác, sự nhiễm ô khác, nếu diệt gọi là cõi diệt. Như ràng buộc thì nghĩa lệ thuộc cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu thể của phiền não đã dứt thì gọi là cõi dứt. Phiền não đối với duyên được lìa, gọi là cõi vô dục. Quả của các phiền não không còn sinh nữa, được gọi là cõi diệt.

Lại có thuyết nói: Các ấm quá khứ, nếu dứt thì đó gọi là cõi dứt. Các ấm vị lai lìa dục, đó gọi là cõi Vô dục. Nếu các ấm hiện tại diệt, thì đó gọi là cõi diệt.

Lại có thuyết nói: Nếu khổ thọ dứt, thì đó gọi là cõi dứt. Nếu lìa dục đối với lạc thọ, thì gọi là cõi vô dục. Không khổ, không lạc thọ nếu diệt, thì đó gọi là cõi diệt.

Lại có thuyết nói: Nếu khổ khổ dứt, thì đó gọi là cõi dứt. Nếu hoại khổ lìa dục, thì đó gọi là cõi vô dục. Nếu hành khổ diệt, thì đó gọi là cõi diệt.

Tôn giả Xa-ma-đạt nói: Trút bỏ gánh nặng, đó gọi là cõi dứt. Không dục đối trị có dục, nếu lìa có dục, thì đó gọi là cõi vô dục. Làm cho sinh tử không nối tiếp nhau, nếu sự nối tiếp nhau diệt, thì đó gọi là cõi diệt.

Lại có thuyết nói: Hoặc có người nói chỉ dứt trừ kiết ái.

Hỏi: Nếu vậy thì trái với kinh Phật, vì kinh Phật nói: Nếu các hành

dứt trừ thì gọi là cỡi dứt, các hành lìa dục gọi là cỡi Vô dục, nếu các hành diệt thì đó gọi là cỡi diệt.

Lại trái với kinh Ba-già-la-na, như nói: Pháp có thể dứt là thế nào?

Đáp: Tất cả pháp hữu lậu.

Lại nói pháp của dứt trí là sao?

Đáp: Là nói tất cả pháp hữu lậu.

Ái có duyên tám kiết: Có người lại duyên ái, có người duyên pháp khác. Nếu dứt duyên tám kiết ái, thì đó gọi là cỡi dứt. Duyên kiết ái, nếu ái dứt, gọi là cỡi Vô dục. Duyên ái của pháp khác, nếu dứt thì gọi là cỡi diệt.

Lại có thuyết nói: Chỉ dứt sử, duyên tám kiết sử nếu dứt, thì gọi là cỡi dứt. Kiết duyên sử ái, nếu dứt thì gọi là cỡi Vô dục. Duyên sử theo pháp khác, nếu dứt thì đó gọi là cỡi diệt.

Nếu cỡi dứt là cỡi Vô dục chăng?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Trước đã nói về nghĩa danh số của A-tỳ-đàm, nay muốn nói nghĩa chân thật của A-tỳ-đàm. Nếu không như vậy thì có người cho chỉ là tùy theo ý của mình, không thuận theo kinh Phật, nay muốn thuận theo kinh Phật cho nên nói rằng:

Nếu cỡi dứt là cỡi Vô dục chăng?

Đáp: Đúng thế, cho đến nói rộng. Nói dứt, vô dục, diệt, tên ba pháp này tuy khác nhưng nghĩa không khác.

Đức Thế tôn nói ba tướng, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật, kinh Phật nói ba tướng, nhưng không phân biệt rộng. Kinh Phật là căn bản để soạn luận này, những điều trong đó không nói thì nay sẽ nói, cho nên soạn luận này.

Hỏi: Ngoài mười sáu hành, còn có Thánh đạo hay không? Nếu có thì vì sao trong phần Kiến-độ Trí nơi kinh Thức Thân không nói? Nếu không có thì làm sao hiểu kinh này? Như nói: Lúc thọ lạc thọ, biết như thật là tiếp nhận lạc thọ. Đây là hành gì? Lại nữa, như nói: Ta đã biết khổ, là hành gì? Không còn biết nữa đó là hành gì, cho đến ta đã tu đạo, đó là hành gì, không còn tu nữa, đó là hành gì. Sanh tử ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Như Kinh Nhiếp Pháp nói: Tỳ-kheo đã hết dục lậu, đó gọi là tận trí, không còn tận nữa, đó gọi là trí vô sinh.

Những hành ấy là gì? Hữu lậu, vô minh lậu, nói cũng giống như



thế.

**Bình luận:** Nên nói như vậy: Ngoài mười sáu hành, không còn có Thánh đạo.

Hỏi: Nếu không có Thánh đạo, thì thuyết trước nói khéo hiểu, còn kinh này nói làm sao thông? Như nói: Khi thọ lạc thọ, biết như thật là thọ nhận lạc thọ, cho đến nói rộng?

Đáp: Vì không do biết thọ lạc thọ, gọi là biết lạc thọ như thật. Vì biết lạc thọ này là đạo, như dấu vết xe đi, nên gọi là biết như thật. Ta đã biết khổ: Là hai hành, đó là hành vô thường và hành khổ. Không còn biết nữa: Cũng là, hành vô thường, hành khổ.

Ta đã dứt tập: Là bốn hành như tập, v.v... không còn dứt tập nữa, cũng là bốn hành như tập v.v... Ta đã chứng diệt, là bốn hành như diệt v.v... không còn chứng diệt nữa, cũng là bốn hành như diệt v.v... sanh tử ta đã hết, là bốn hành như tập v.v... Phạm hạnh đã lập, là bốn hành như đạo v.v... Việc phải làm đã làm xong, là bốn hành như diệt v.v... Không thọ thân sau là hai hành như khổ v.v..., là hành vô thường, hành khổ.

Lại có thuyết nói: Đời ta đã hết, có năm việc:

1. Thân.
2. Đối trị.
3. Sở tác.
4. Quả.
5. Con người.

Thân: Là tất cả chỗ sinh thân đều tận. Đối trị: Là được đối trị như đây, có thể hết tất cả sự sinh. Chỗ tạo tác: Là trí có thể tạo tác, khiến cho các sự sinh hết. Quả: Là được quả trí, có thể cùng tận tất cả sự sinh tử. Con người: Nói là con người có thể cùng tận tất cả sự sinh. Như Kinh Nhiếp Pháp nói: Tỳ-kheo hết dục lậu, là tận trí, có sáu hành. Không còn tận nữa, là trí vô sinh, cũng có sáu hành. Sáu hành là hai hành: Vô thường, khổ và bốn hành như tập. Hữu lậu, vô minh lậu, nói cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Ngoài mười sáu hành còn có Thánh đạo.

Hỏi: Nếu có Thánh đạo thì vì sao trong Kiến-độ Trí nơi kinh Thức Thân không nói?

Đáp: Lẽ ra nói mà không nói, phải biết ở đây nói chưa trọn vẹn.

Hỏi: Ở đây nói chưa trọn vẹn có nghĩa gì?

Đáp: Nếu hành có thể đạt được chánh quyết định, thì sẽ được quả lìa dục và hết các lậu, tức là Kiến-độ Trí nơi kinh Thức Thân tức nói. Nếu các hành không thể đạt được chánh quyết định, tất nhiên sẽ không

---

đắc quả, không lìa dục, không hết các lậu, nhưng là chỗ đắc của Thánh đạo vì đã thọ hiện pháp lạc, vì là đạo chơi, vì quán việc đã làm xưa kia thọ dụng Thánh pháp vô thượng, khởi hiện ở trước.

Lại có thuyết nói: Nếu hành hiện tại, lúc dứt phiền não, thì dứt được phiền não, có thể có chỗ tạo tác, có công dụng lớn, là nói lúc hiện tại dứt phiền não. Các hành kia không thể trừ hết kiết, không có tạo tác, không có công dụng lớn, cho nên không nói, chỉ tu trong đời vị lai.

Lại có thuyết nói: Nếu hành ở các đạo thắng tiến, giải thoát, vô ngại, phương tiện thì nói. Các hành đó không ở đạo vô ngại, đạo giải thoát, hoặc ở đạo thắng tiến, hoặc ở đạo phương tiện xa. Vì việc này, nên Kiên-độ Trí nơi Kinh Thức Thân không nói. Nếu nói rằng: Ngoài mười sáu hành có Thánh đạo, tưởng là Thánh đạo. Nếu hành ở dứt là tưởng dứt, nếu hành ở vô dục là tưởng vô dục, nếu hành ở diệt là tưởng diệt. Giống như một đích làm bằng gỗ, bằng sắt thì các mũi tên sắt đều bắn trúng. Cũng thế, một thể vô vi là chỗ hành của ba tưởng. Chư vị nói lời này: Ngoài mười sáu hành còn có Thánh đạo, nghĩa là tưởng dứt, chẳng phải tưởng lìa dục, chẳng phải dứt diệt, cho đến nói rộng.

Phần nhiều nói lời này: Ngoài mười sáu hành, không còn có Thánh đạo. Nghĩa là tưởng kia là duyên. Nếu duyên dứt là tưởng dứt. Nếu duyên vô dục là tưởng vô dục. Nếu duyên diệt là tưởng diệt. Văn này nên nói rằng: Nếu tưởng dứt là tưởng Vô dục chẳng?

Đáp: Đúng thế. Cho đến nói rộng.

